



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING
KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TS. Lê Trung Đạo (Chủ biên)

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG HỌC
TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2020



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

CHỦ ĐỀ 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN TRONG ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC1

1. HOÀN THIỆN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....2

TS. Lê Trung Đạo

CHỦ ĐỀ 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC.....11

2. THỰC TRẠNG NỘI DUNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT BẮT BUỘC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING12

ThS. Hồ Trung Nghi, TS. Phan Thanh Mỹ, Đặng Văn Út

3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CẦN THƠ HIỆN NAY25

ThS. Lê Hoàng Minh, TS. Nguyễn Văn Hòa

4. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN, ĐÀ NẴNG.....32

ThS. Đỗ Trung Thắng

5. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG39

TS. Hàng Quang Thái, TS. Đoàn Tiến Trung

6. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TDTT NGOẠI KHÓA CỦA HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ TỬ SƠN, TỈNH BẮC NINH.....48

TS. Nguyễn Hồng Đăng, ThS. Lê Văn Mạnh, CN. Nguyễn Thị Hà

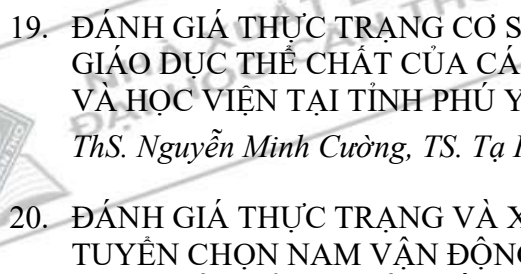
7. THỰC TRẠNG SỨC BỀN CHUYÊN MÔN CHO NỮ SINH VIÊN ĐỘI TUYỂN BÓNG RỔ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI.....58

ThS. GVC. Phạm Tất Thắng

8. THỰC TRẠNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 202563

ThS. Phan Minh Mẫn; ThS. Đặng Ngọc Tiên, ThS. Nguyễn Quốc Bảo, ThS. Phạm Văn Dũng, CN. Võ Thị Kim Ngân

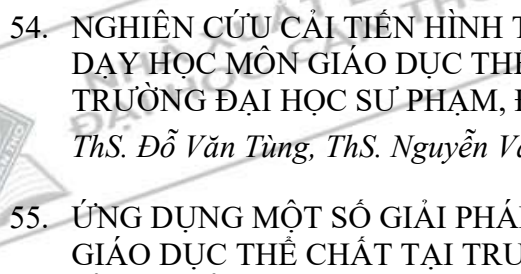
| | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 9. | THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TRÃI, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH..... | 75 |
| | <i>TS. Lê Trung Kiên</i> | |
| 10. | THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN..... | 80 |
| | <i>TS. Trần Ngọc Cương</i> | |
| 11. | THỰC TRẠNG THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN..... | 90 |
| | <i>ThS. Đào Ngọc Anh</i> | |
| 12. | ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG | 98 |
| | <i>ThS. Lê Tấn Xin, TS. Tạ Hoàng Thiện, ThS. Nguyễn Minh Cường</i> | |
| 13. | THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG | 105 |
| | <i>ThS. Nguyễn Văn Hiến, ThS. Nguyễn Ngọc Nga</i> | |
| 14. | ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ SỰ PHÁT TRIỂN HÌNH THÁI VÀ THỂ LỰC CỦA HỌC SINH DÂN TỘC KHMER LỨA TUỔI 14 Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG..... | 114 |
| | <i>ThS. Lê Trọng Đức, TS. Nguyễn Thị Hiền</i> | |
| 15. | NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG THỂ CHẤT CỦA NAM HỌC SINH TUỔI 12 TẠI CÁC TRƯỜNG THCS THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU..... | 121 |
| | <i>NCS. Đào Thị Thu, TS. Nguyễn Quang Sơn</i> | |
| 16. | THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING | 127 |
| | <i>Nguyễn Minh Thân, TS. Phan Thanh Mỹ, ThS. Cao Hồng Châu</i> | |
| 17. | THỰC TRẠNG HỨNG THÚ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC HÀ NỘI | 136 |
| | <i>ThS. Đào Xuân Sang</i> | |
| 18. | THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 144 |
| | <i>ThS. Trần Thị Cánh</i> | |

- 
19. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ HỌC VIỆN TẠI TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2010 – 2015 151
ThS. Nguyễn Minh Cường, TS. Tạ Hoàng Thiện, ThS. Mai Thế Anh
20. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ XÁC ĐỊNH CÁC TEST TUYỂN CHỌN NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI DỰ TUYỂN VÕ THUẬT CỔ TRUYỀN LỨA TUỔI 12-14 TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 158
TS. Hồ Hoàng Tuấn Anh, TS. Trần Lê Nhật Quang
21. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ NGOẠI KHOÁ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG 165
ThS. Nguyễn Hoàng Duy, ThS. Nguyễn Ngọc Cang
22. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHOÁ CỦA SINH VIÊN KHỐI KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN..... 179
ThS. Lê Văn Hùng
23. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHOÁ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN 185
TS. Đào Thị Hoa Quỳnh, ThS. Nguyễn Thị Hà
- CHỦ ĐỀ 3: BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT..... 193**
24. LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP CẢI THIỆN TRÌNH ĐỘ THỂ LỰC CHO NAM SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ CÓ THỂ LỰC YẾU.... 194
ThS. Lê Phương Hùng
25. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUYÊN MÔN VÀ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN CẦU LÔNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN HÒA 1, THÀNH PHỐ CẦN THƠ 207
PGS. TS. Châu Vĩnh Huy, ThS. Trần Đăng Khôi
26. NGHIÊN CỨU SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUYÊN MÔN VÀ KỸ THUẬT CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN BÓNG CHUYỀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 217
Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Lâm Văn Luật
27. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CỦA NAM HỌC SINH SAU 4 THÁNG TẬP LUYỆN TẠI CÂU LẠC BỘ TAEKWONDO NGOẠI KHOÁ TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI 2, QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ, LỨA TUỔI 9-10 TUỔI 225
TS. Nguyễn Văn Hòa, ThS. Phạm Liêng Tuấn Khanh

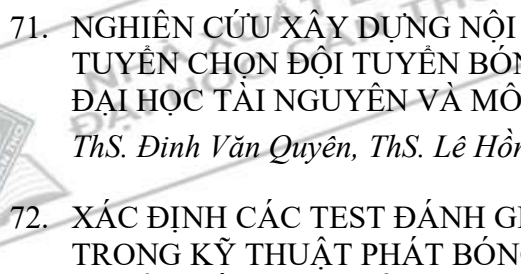
28. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM NÂNG CAO THÀNH TÍCH NHẢY CAO KIỂU “BƯỚC QUA” CHO NAM HỌC SINH LỚP 8 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỜNG THANH, HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH.....230
ThS. Nguyễn Quốc Trung, ThS. Nguyễn Ngọc Hưng, CN. Phạm Hoàng Giang
29. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN SỨC MẠNH TRONG MÔN BÓNG CHUYỀN CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH237
ThS. Trần Huy Thảo, ThS. Nguyễn Quốc Việt, ThS. Dương Thị Huyền
30. ỨNG DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG NÂNG CAO THỂ LỰC CHO SINH VIÊN TRONG GIỜ HỌC BÓNG CHUYỀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG245
TS. Hàng Quang Thái
31. LỰA CHỌN BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG.....256
ThS. Phan Ngọc Thiết Kế, TS. Trần Lê Nhật Quang
32. NGHIÊN CỨU SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CỦA ĐỘI TUYỂN BÓNG ĐÁ NAM TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG264
TS. Hàng Quang Thái
33. ỨNG DỤNG BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHO SINH VIÊN NAM HỌC MÔN CẦU LÔNG TỰ CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG.....274
ThS. Phan Ngọc Thiết Kế
34. LỰA CHỌN BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUNG CHO NAM SINH VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC282
ThS. Hoàng Thị Thùy Trang
35. LỰA CHỌN BÀI TẬP PHÁT TRIỂN SỨC MẠNH TỐC ĐỘ CHO NAM VẬN ĐỘNG VIÊN BÓNG ĐÁ LỨA TUỔI 13-14 ĐỘI TUYỂN TRƯỜNG VINSCHOOL.....289
TS. Phạm Đức Toàn
36. XÁC ĐỊNH TEST ĐÁNH GIÁ THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HỌC MÔN TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG.....298
TS. Trần Quang Đại, ThS. Bùi Minh Khoa

37. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MỘT SỐ BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHO NAM SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ305
ThS. Từ Thanh Phong, TS. Nguyễn Văn Hòa
38. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUYÊN MÔN CỦA NAM VĐV ĐỘI TUYỂN CẦU LÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU MỘT NĂM TẬP LUYỆN312
ThS. Nguyễn Văn Long, ThS. Nguyễn Thị Lệ Hằng, ThS. Phạm Cho, ThS. Phạm Thị Phương Loan
39. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN KHÓA 43 HỌC MÔN TAEKWONDO TỰ CHỌN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ320
TS. Nguyễn Văn Hòa
40. ỨNG DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG NHẪM PHÁT TRIỂN TỔ CHẤT SỨC NHANH CHO HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH BỘ LĨNH, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....325
ThS. Giang Chí Hải
41. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VIỆC ỨNG DỤNG HỆ THỐNG BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUNG CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIÊN VIỄN THÔNG CƠ SỞ TP. HCM332
ThS. Trần Kim Bào, TS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Nguyễn Thị Thu Phương, TS. Đỗ Tiến Thân, ThS. Lương Văn Sơn
42. NGHIÊN CỨU CÁC BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUYÊN MÔN CHO ĐỘI TUYỂN BÓNG CHUYỀN NAM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH.....341
ThS. Đinh Văn Quyên, ThS. Đặng Trường Giang
43. XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ VÀ ĐÁNH GIÁ THỂ LỰC CHUYÊN MÔN CỦA SINH VIÊN CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH352
ThS. Trần Minh Hiếu, PGS. TS. Nguyễn Tiên Tiến
44. CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM BÀI TẬP THỂ LỰC CHUYÊN MÔN VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CHO NAM SINH VIÊN CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT TP. HCM362
ThS. Trần Minh Hiếu, TS. Phạm Thanh Giang, ThS. Nguyễn Minh Vương
45. LỰA CHỌN VÀ ỨNG DỤNG BÀI TẬP PHÁT TRIỂN SỨC NHANH CHO NAM SINH VIÊN CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH375
ThS. Nguyễn Trung Kiên, TS. Phạm Thanh Giang, TS. Tô Trung Kiên

46. ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CỦA NAM HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THCS LỨA TUỔI 14-15 LUYỆN TẬP TẠI CLB CẦU LÔNG QUẬN THỦ ĐỨC VỚI CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN SAU 16 TUẦN383
CN. Trần Ngọc Tuyết Sang, TS. Phan Ngọc Huy, ThS. Huỳnh Hữu Hiếu
47. LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NÂNG CAO THỂ LỰC VÀ KỸ THUẬT CHO CÁC SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM ...389
TS. Phạm Thái Vinh, ThS. Lý Gia Hán, ThS. Hồ Văn Lùng
48. NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN VÀ ỨNG DỤNG MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN SỨC BẬT CHO VĐV ĐỘI TUYỂN BÓNG CHUYỀN NAM TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ, HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG.....398
TS. Lê Vũ Ngọc Toàn, ThS. Đỗ Thanh Tùng
49. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CHUYÊN MÔN VÀ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA ĐỘI TUYỂN NAM CẦU LÔNG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH403
ThS. Nguyễn Văn Trung, TS. Lê Vũ Ngọc Toàn
50. LỰA CHỌN VÀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG BÀI TẬP NÂNG CAO KẾT QUẢ TẬP LUYỆN CHO ĐỘI TUYỂN THỂ DỤC CỔ ĐỘNG (CHEERLEADING) TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG GIA ĐỊNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH408
ThS. Trần Thị Mỹ Xuân, ThS. Vũ Công Trường, ThS. Cao Thanh Phong
51. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY MÔN BÓNG CHUYỀN VÀO GIỜ TỰ CHỌN CHO NAM SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ CẦN THƠ416
ThS. Huỳnh Ngọc Tân, TS. Nguyễn Quang Sơn, ThS. Nguyễn Văn Trúc
- CHỦ ĐỀ 4: CÁC GIẢI PHÁP.....427**
52. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT TP. HCM428
PGS. TS. Đỗ Trọng Thịnh, ThS. Phạm Văn Dũng, ThS. Nguyễn Quốc Bảo, ThS. Đặng Ngọc Tiên, Nguyễn Mạnh Thường (Hoàng Nam)
53. LỰA CHỌN BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÂU LẠC BỘ THỂ DỤC THỂ THAO SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH THÁI NGUYÊN439
ThS. Trần Thị Tiệp, ThS. Bùi Minh Tân

- 
54. NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ448
ThS. Đỗ Văn Tùng, ThS. Nguyễn Văn Lợi
55. ỨNG DỤNG MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG TỈNH QUẢNG NINH455
ThS. Phạm Văn Hoàng, TS. Nguyễn Như Quỳnh
56. PHONG TRÀO THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN TRONG KÝ TÚC XÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI (CSII) THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP465
ThS. Phạm Văn Hải, ThS. Đỗ Thị Tý
57. NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING474
ThS. Hồ Văn Cường, CN. Nguyễn Minh Thân, ThS. Nguyễn Võ Tấn Quang
58. ỨNG DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC TỔ CHỨC KỶ LUẬT CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ MINH LƯƠNG, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG TRONG CÁC GIỜ THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA484
ThS. Vũ Công Trường, ThS. Trần Thanh Phương
- CHỦ ĐỀ 5: CÁC VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN493**
59. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG TRUYỀN THÔNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CỦA KHOA THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐHSPT – ĐHTN494
TS. Nguyễn Mạnh Hùng
60. LỰA CHỌN NỘI DUNG KIỂM TRA VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC TỰ CHỌN BÓNG RỔ CHO NAM SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI.....500
ThS. Phạm Thị Thùy Trang
61. KHẢO SÁT NHU CẦU HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO CỦA CÁN BỘ, SINH VIÊN VÀ LỰA CHỌN CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC, KHAI THÁC CÁC DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO TẠI ĐẠI HỌC HUẾ505
TS. Nguyễn Thế Tĩnh, ThS. Hoàng Trung Kiên

62. SỰ BIẾN ĐỔI KHẢ NĂNG ƯA KHÍ CỦA NỮ SINH VIÊN
CHUYÊN SÂU CHẠY CỰ LY TRUNG BÌNH KHI TẬP LUYỆN
Ở MÔI TRƯỜNG MÔ PHÒNG CAO NGUYÊN517
*GS. TS. Lê Quý Phương, ThS. Phạm Văn Dũng, ThS. Nguyễn Quốc Bảo,
ThS. Lê Hồng Dao, ThS. Nguyễn Minh Luận*
63. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TỰ CHỌN CHO SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY KHÓA 2018
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ527
TS. Nguyễn Văn Hòa
64. NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG
CỦA SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÁC CÂU LẠC BỘ
THỂ THAO NGOẠI KHOA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG ..533
ThS. Phạm Quỳnh Sỹ, ThS. Trần Thị Mỹ Xuân, ThS. Vũ Công Trường
65. NGHIÊN CỨU VỀ NHẬN THỨC VÀ HÀNH VI TẬP LUYỆN TDDT
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING
TRONG CÁC GIAI ĐOẠN DỊCH COVID-19540
TS. Nguyễn Quốc Thắng, ThS. Nguyễn Bảo Luân
66. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG BỘ ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐÁNH GIÁ
CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT HỆ ĐẠI HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH548
TS. Trần Thủy
67. XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HÌNH THÁI VÀ THỂ LỰC
CHO SINH VIÊN KHOA KỸ THUẬT HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH556
*ThS. Đặng Minh Khoa, TS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Nguyễn Thị Thu Phương,
ThS. Nguyễn Văn Thành, ThS. Trần Kim Bào, ThS. Lương Văn Sơn*
68. NGHIÊN CỨU THỜI LƯỢNG PHÙ HỢP NGOẠI KHÓA
MÔN BÓNG CHUYỀN ĐỐI VỚI NỮ SINH VIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG565
NCS. Nguyễn Văn Tín
69. SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC HÀNH VI KHÔNG LÀNH MẠNH
VỚI THÀNH TÍCH CỦA SINH VIÊN NGÀNH THỂ THAO.....573
ThS. Phan Anh Tuấn
70. HIỆU QUẢ GIẢM CÂN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC TỔ CHẤT
THỂ LỰC CỦA CÁC HÌNH THỨC TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO
KHÁC NHAU ĐỐI VỚI NAM SINH VIÊN BÉO PHÌ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH.....583
TS. Cao Phương

- 
71. NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NỘI DUNG VÀ TIÊU CHUẨN
TUYỂN CHỌN ĐỘI TUYỂN BÓNG ĐÁ NAM SINH VIÊN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH590
ThS. Đinh Văn Quyên, ThS. Lê Hồng Nhật, ThS. Nguyễn Minh Vương
72. XÁC ĐỊNH CÁC TEST ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU QUẢ
TRONG KỸ THUẬT PHÁT BÓNG CAO TAY CHO ĐỘI
TUYỂN BÓNG CHUYỀN NỮ TRƯỜNG ĐHSP TĐTT TP. HCM.....600
TS. Phạm Thái Vinh, ThS. Trần Thị Thanh Tuyền
73. NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG BÀI TẬP KỸ THUẬT TRONG GIẢNG DẠY
MÔN BÓNG RỔ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH –
MARKETING607
ThS. Cung Đức Liêm, ThS. Nguyễn Thành Cao, ThS. Nguyễn Tú
74. GIẢI PHÁP LỰA CHỌN VIỆC LÀM THÊM THEO ĐỊNH HƯỚNG
NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH THỂ DỤC THỂ
THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN617
ThS. Nguyễn Thành Trung, ThS. Nguyễn Đức Trường
75. XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
TÂM LÝ CHO SINH VIÊN CHUYÊN SÂU THỂ DỤC NĂM THỨ HAI
VÀ THỨ BA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT ĐÀ NẴNG.....630
TS: Nguyễn Văn Quốc Dũng, ThS. Nguyễn Ngọc Thắng



KHẢO SÁT NHU CẦU HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO CỦA CÁN BỘ, SINH VIÊN VÀ LỰA CHỌN CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC, KHAI THÁC CÁC DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

TS. Nguyễn Thế Tình¹, ThS. Hoàng Trung Kiên²

TÓM TẮT

Áp dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn chuyên gia, phương pháp toán học thống kê và quan sát thực tế để tài đã đánh giá được nhu cầu hoạt động thể dục thể thao của cán bộ, sinh viên Đại học Huế và lựa chọn được 07 giải pháp gồm: Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trong kinh doanh dịch vụ Thể dục thể thao tại Đại học Huế; Đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người tham gia hoạt động Thể dục thể thao; Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu Thể dục thể thao; Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ Thể dục thể thao; Các chính sách giá dịch vụ hợp lý, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn; Tăng cường công tác truyền thông, quảng cáo các dịch vụ Thể dục thể thao; Nâng cao các hoạt động tài trợ, xã hội hóa các hoạt động Thể dục thể thao nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế.

Từ khóa: Giải pháp; Tổ chức; Khai thác; Dịch vụ; Thể dục thể thao; Đại học Huế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, với nền kinh tế thị trường mang tính toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã làm cho các mối quan hệ kinh tế ngày càng phát triển đa dạng về hình thức lẫn nội dung. Cùng với sự phát triển đó, ngành thể dục thể thao (TDTT) cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ, đòi hỏi cần phải thay đổi hình thức quản lý, các phương thức kinh doanh cũng như cách cung ứng dịch vụ TDTT để phù hợp với xu hướng, tốc độ phát triển kinh tế và nhu cầu của xã hội ở nước ta. Kinh doanh TDTT là một lĩnh vực khá mới và đang ở những bước đi ban đầu trong bối cảnh kinh tế Việt Nam có những bước chuyển mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế còn rất nhiều hoạt động kinh doanh TDTT chưa được khai thác hoặc hiệu quả khai thác chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Trong xu thế chung đó, Đại học Huế cũng đang từng bước thay đổi mạnh mẽ về cơ chế quản lý, chủ trương và định hướng. Cần tận dụng, nâng cấp các điều kiện vốn có và mở ra những hướng đi mới nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển trong tình

¹ Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế.

² Đại học Huế.

hình mới. Do vậy, việc tổ chức, khai thác và phát triển các dịch vụ TDTT nhằm thỏa mãn nhu cầu của xã hội cũng như tạo ra nguồn thu chung Đại học Huế là điều cần thiết phải thực hiện. Trên thực tế tại một số đơn vị đã và đang tận dụng khai thác các cơ sở vật chất hiện có như: trường Đại học Luật có 4 sân Bóng đá cỏ nhân tạo, sân Quần vợt; Trường ĐH Nông lâm và Khoa Giáo dục thể chất có 2 sân bóng đá cỏ nhân tạo; trường Đại học Khoa học có 1 sân Bóng đá 7 người và 1 sân bóng đá 5 người đang kinh doanh khai thác; tại Khoa GDTC còn có 2 nhà thi đấu khai thác chưa hiệu quả ở các môn như Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng bàn,... ngoài ra còn có các Câu lạc bộ võ Karate-Do, Võ kinh Vạn An,.. cũng đang hoạt động thường xuyên tại các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế. Vậy để làm như thế nào để tiếp tục mở rộng mô hình kinh doanh, tổ chức các sự kiện một cách chuyên nghiệp các giải đấu và hướng đến đào tạo, hướng dẫn kỹ năng TDTT cho người tập đó là mục tiêu mà đề tài nghiên cứu hướng đến. Vậy để tạo cơ sở vững chắc cho việc thay đổi trong quan điểm và cách quản lý, tổ chức trong các hoạt động TDTT chúng tôi tiến hành: **“Khảo sát nhu cầu hoạt động thể dục thể thao của cán bộ, sinh viên và lựa chọn các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế”**.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1 Khảo sát nhu cầu hoạt động TDTT của cán bộ, sinh viên Đại học Huế

Để biết được nhu cầu hoạt động TDTT của cán bộ, sinh viên Đại học Huế, đề tài đã tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 46 cán bộ, giảng viên và 178 sinh viên Đại học Huế. Kết quả thu được tại bảng 1 sau đây:

Bảng 1: Khảo sát nhu cầu hoạt động TDTT của cán bộ, sinh viên Đại học Huế

| TT | Nội dung phỏng vấn | Cán bộ (n=46) | | Sinh viên (n=178) | |
|----------|--------------------------------------|---------------|-------|-------------------|-------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % |
| I | Môn thể thao (nhiều lựa chọn) | | | | |
| 1 | Bóng đá | 22 | 47.83 | 164 | 92.13 |
| 2 | Bóng bàn | 27 | 58.70 | 94 | 52.81 |
| 3 | Bóng rổ | 5 | 10.87 | 29 | 16.29 |
| 4 | Bóng ném | 0 | 0.00 | 12 | 6.74 |
| 5 | Bóng chuyền | 12 | 26.09 | 143 | 80.34 |
| 6 | Võ thuật | 5 | 10.87 | 23 | 12.92 |
| 7 | Cầu lông | 23 | 50.00 | 104 | 58.43 |
| 8 | Quần vợt | 11 | 23.91 | 26 | 14.61 |
| 9 | Bơi | 8 | 17.39 | 85 | 47.75 |
| 10 | Gym (Thể dục thể hình) | 4 | 8.70 | 22 | 12.36 |
| 11 | Aerobic | 5 | 10.87 | 8 | 4.49 |

| | | | | | |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----|------|-----|-------|
| 12 | Dance Sports | 1 | 2.17 | 5 | 2.81 |
| 13 | Các môn khác | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| II Thời điểm hoạt động TDTT trong ngày | | | | | |
| 1 | Sáng (6h00-7h00) | 4 | 9 | 19 | 10.67 |
| 2 | Chiều (17h00-19h00) | 33 | 72 | 131 | 73.60 |
| 3 | Tối (19h00-21h00) | 12 | 26 | 28 | 15.73 |
| 4 | Khác:..... | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| III Thời gian tập luyện và thi đấu TDTT trong buổi | | | | | |
| 1 | Dưới 60 phút | 12 | 26 | 15 | 8.43 |
| 2 | 60-90 phút | 29 | 63 | 129 | 72.47 |
| 3 | 91-120 phút | 5 | 11 | 21 | 11.80 |
| 4 | Trên 120 phút | 0 | 0 | 13 | 7.30 |
| 5 | Khác | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| IV Số buổi tập luyện TDTT và thi đấu trong tuần | | | | | |
| 1 | 1 buổi | 2 | 4 | 9 | 5.06 |
| 2 | 2 buổi | 13 | 28 | 35 | 19.66 |
| 3 | 3 buổi | 23 | 50 | 98 | 55.06 |
| 4 | 4 buổi | 3 | 7 | 29 | 16.29 |
| 5 | 5 buổi | 2 | 4 | 4 | 2.25 |
| 6 | 6 buổi | 3 | 7 | 3 | 1.69 |
| 7 | Khác | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| V Địa điểm tập luyện | | | | | |
| 1 | Khu thể thao của Trường/Khoa thuộc Đại học Huế | 16 | 35 | 49 | 27.53 |
| 2 | Tại Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế | 12 | 26 | 56 | 31.46 |
| 3 | Nhà thi đấu/sân bãi có thu phí | 12 | 26 | 31 | 17.42 |
| 4 | Công viên/Nhà văn hóa và các địa điểm không thu phí | 6 | 13 | 42 | 23.60 |
| 5 | Khác | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| VI Về kinh phí tập luyện/tháng | | | | | |
| 1 | Có | 34 | 74 | 142 | 79.78 |
| a | Dưới 500.000đ | 6 | 13 | 94 | 52.81 |
| b | Từ 500.000đ- dưới 1.000.000đ | 14 | 30 | 32 | 17.98 |
| c | Từ 1.000.000đ- dưới 1.500.000đ | 9 | 20 | 11 | 6.18 |
| d | Từ 1.500.000đ- dưới 2.000.000đ | 5 | 11 | 5 | 2.81 |
| e | Trên 2.000.000đ | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| 2 | Không | 12 | 26 | 36 | 20.22 |
| VII Nhu cầu về hướng dẫn viên, huấn luyện viên | | | | | |
| 1 | Có cần thiết và có trả phí | 8 | 17 | 34 | 19.10 |
| a | Dưới 500.000đ | 5 | 11 | 19 | 10.67 |
| b | Từ 500.000đ - dưới 1.000.000đ | 3 | 7 | 11 | 6.18 |
| c | Từ 1.000.000đ - dưới 1.500.000đ | 0 | 0 | 4 | 2.25 |

| | | | | | |
|-------------|--------------------------------------------------------|----|----|-----|-------|
| d | Từ 1.500.00đ - dưới 2.000.000đ | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| e | Trên 2.000.000đ | 0 | 0 | 0 | 0.00 |
| 2 | Có cần thiết nhưng không trả phí | 7 | 15 | 26 | 14.61 |
| 3 | Không cần thiết | 31 | 67 | 118 | 66.29 |
| VIII | Về thông tin truyền thông (nhận thông tin qua:) | | | | |
| 1 | Facebook | 18 | 39 | 119 | 66.85 |
| 2 | Điện thoại | 9 | 20 | 33 | 18.54 |
| 3 | Zalo | 12 | 26 | 17 | 9.55 |
| 4 | Email | 7 | 15 | 9 | 5.06 |
| 5 | Khác: | 0 | 0 | 0 | 0.00 |

Qua bảng 1 cho thấy về nhu cầu hoạt động TDTT của cán bộ, sinh viên Đại học Huế được cụ thể như sau:

Các môn thể thao chủ yếu được chọn là: Bóng bàn; Cầu lông; Bóng đá; Bóng chuyền

Thời điểm hoạt động TDTT trong ngày phần lớn lựa chọn là: Chiều (17h00-19h00) có chiếm 72% sinh viên và 73,6% cán bộ lựa chọn; buổi tối (19h00-21h00) có 26% sinh viên và 15,73% cán bộ lựa chọn.

Thời gian tập luyện và thi đấu TDTT trong chủ yếu là 60-90 phút/buổi (chiếm 63% sinh viên và 72,47% cán bộ lựa chọn) và 91-120 phút/buổi (có 11% sinh viên và 11,8% cán bộ lựa chọn).

Số buổi tập luyện TDTT và thi đấu trong tuần chủ yếu từ 2-3 buổi.

Địa điểm tập luyện chủ yếu mong muốn tập luyện tại Khu thể thao của Trường/Khoa thuộc Đại học Huế; Tại Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế; Nhà thi đấu/sân bãi có thu phí

Về kinh phí thuê sân bãi, dụng cụ tập luyện có đến 74% sinh viên và 79,78% cán bộ đồng ý trả phí và chủ yếu từ 500.000- dưới 1.000.000đ/tháng.

Nhu cầu về hướng dẫn viên, huấn luyện viên không nhiều

Về thông tin truyền thông (nhận thông tin) người tiêu dùng TDTT mong muốn nhận thông tin chủ yếu qua facebook, Zalo,...

2.2 Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế

Đề lựa chọn các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế, đề tài đã tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 52 giảng viên, các chuyên gia, nhà quản lý tại các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế và các trường Đại học TDTT, Khoa GDTC trên toàn quốc. Đề tài quyết định lựa chọn những giải pháp có trên 80% ý kiến đồng ý hoặc rất đồng ý trở lên. Kết quả thu được tại bảng 2 sau đây:

Bảng 2: Kết quả phỏng vấn lựa chọn các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế (n=29)

| TT | Nội dung giải pháp | Rất đồng ý | | Đồng ý | | Không đồng ý | |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------|--------|-------|--------------|-------|
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Giải pháp 1: Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trong kinh doanh dịch vụ TDTT tại Đại học Huế | 19 | 65.52 | 7 | 24.14 | 3 | 10.34 |
| 2 | Giải pháp 2: Đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người tham gia hoạt động TDTT | 18 | 62.07 | 6 | 20.69 | 5 | 17.24 |
| 3 | Giải pháp 3: Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu TDTT | 21 | 72.41 | 3 | 10.34 | 5 | 17.24 |
| 4 | Giải pháp 4: Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ TDTT | 23 | 79.31 | 5 | 17.24 | 1 | 3.45 |
| 5 | Giải pháp 5: Các chính sách giá dịch vụ hợp lý, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn | 17 | 58.62 | 8 | 27.59 | 4 | 13.79 |
| 6 | Giải pháp 6: Tăng cường công tác truyền thông, quảng cáo các dịch vụ TDTT | 19 | 65.52 | 9 | 31.03 | 1 | 3.45 |
| 7 | Giải pháp 7: Nâng cao các hoạt động tài trợ, xã hội hóa các hoạt động TDTT | 23 | 79.31 | 4 | 13.79 | 2 | 6.90 |
| 8 | Khác:..... | 0 | 0 | 0 | 0 | 29 | 100 |

Theo kết quả phỏng vấn tại bảng 2 cho thấy: Tất cả 7 giải pháp đều được các giảng viên, các chuyên gia, nhà quản lý chọn với tỉ lệ đồng ý và rất đồng ý ở mức cao từ 80% trở lên, bao gồm: Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trong kinh doanh dịch vụ Thể dục thể thao tại Đại học Huế; Đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người tham gia hoạt động Thể dục thể thao; Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu Thể dục thể thao; Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ Thể dục thể thao; Các chính sách giá dịch vụ hợp lý, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn; Tăng cường công tác truyền thông, quảng cáo các dịch vụ Thể dục thể thao; Nâng cao các hoạt động tài trợ, xã hội hóa các hoạt động Thể dục thể thao nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế.

Trong 7 giải pháp được lựa chọn, đề tài đã xây dựng các biện pháp (BP) và tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 29 giảng viên, các chuyên gia, nhà quản lý tại các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế và các trường Đại học TDTT, Khoa GDTC trên toàn quốc để lựa chọn các biện pháp. Đề tài quyết định lựa chọn những biện pháp có trên 80% ý kiến đồng ý hoặc rất đồng ý trở lên. Kết quả thu được tại bảng 3 sau đây:

Bảng 3: Kết quả phỏng vấn lựa chọn các biện pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế (n=29)

| TT | Nội dung giải pháp | Rất khả thi | | Khả thi | | Không khả thi | |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|---------|-------|---------------|-------|
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| I | Giải pháp 1: Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trong kinh doanh dịch vụ TDTT tại Đại học Huế | | | | | | |
| 1 | BP1. Xây dựng đội ngũ chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực kinh doanh TDTT. | 21 | 72.41 | 5 | 17.24 | 3 | 10.34 |
| 2 | BP2. Xây dựng đội ngũ chuyên viên Marketing trong lĩnh vực kinh doanh TDTT. | 23 | 79.31 | 4 | 13.79 | 2 | 6.90 |
| 3 | BP3. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên trong lĩnh vực kinh doanh TDTT. | 19 | 65.52 | 5 | 17.24 | 5 | 17.24 |
| 4 | BP4. Liên kết với các tổ chức hoạt động kinh doanh TDTT ở trong và ngoài nước để bồi dưỡng nguồn nhân lực. | 22 | 75.86 | 7 | 24.14 | 0 | 0.00 |
| 5 | BP5. Xây dựng đội ngũ chuyên viên pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh TDTT. | 7 | 24.14 | 3 | 10.34 | 19 | 65.52 |
| 6 | BP6. Định hướng chiến lược phát triển nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh TDTT. | 6 | 20.69 | 7 | 24.14 | 16 | 55.17 |
| 7 | BP7. Xây dựng chương trình đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạt động kinh doanh TDTT | 12 | 41.38 | 13 | 44.83 | 4 | 13.79 |
| 8 | BP8. Phối hợp với các đơn vị đào tạo cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh TDTT | 21 | 72.41 | 4 | 13.79 | 4 | 13.79 |
| 9 | BP9. Đào tạo đội ngũ quản lí, nhân viên phục vụ các hoạt động TDTT. | 12 | 41.38 | 16 | 55.17 | 1 | 3.45 |
| 10 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100 |
| II | Giải pháp 2: Đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người tham gia hoạt động TDTT | | | | | | |
| 1 | BP1. Phân nhóm khách hàng tiềm năng | 12 | 41.38 | 13 | 44.83 | 4 | 13.79 |
| 2 | BP2. Phân nhóm khách hàng thân thiết | 17 | 58.62 | 9 | 31.03 | 3 | 10.34 |
| 3 | BP3. Phân nhóm khách hàng có nhu cầu tập luyện TDTT cao nhưng điều kiện kinh tế hạn chế. | 17 | 58.62 | 7 | 24.14 | 5 | 17.24 |
| 4 | BP4. Phân nhóm khách hàng có nhu cầu tập luyện thấp nhưng tiềm năng tài chính cao. | 21 | 72.41 | 5 | 17.24 | 3 | 10.34 |
| 5 | BP5. Phân nhóm khách hàng có nhu cầu, có thu nhập cao nhưng thời gian tham gia hoạt động TDTT lại không có. | 12 | 41.38 | 12 | 41.38 | 5 | 17.24 |
| 6 | BP6. Phân nhóm khách hàng mục tiêu, nghiên cứu các khó khăn trở ngại của các | 8 | 27.59 | 9 | 31.03 | 12 | 41.38 |

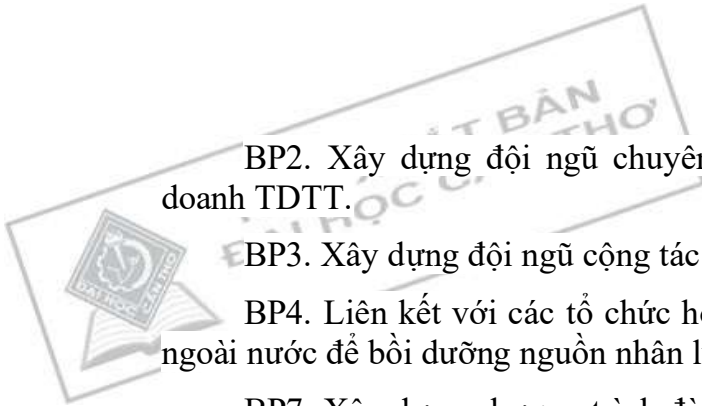
| | | | | | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|----|-------|----|--------|
| | nhóm đối tượng này nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp. | | | | | | |
| 7 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100.00 |
| III Giải pháp 3: Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu TDTT | | | | | | | |
| 1 | BP1. Xây dựng đề án khai thác cơ sở vật chất hiện có để tránh lãng phí. | 17 | 58.62 | 11 | 37.93 | 1 | 3.45 |
| 2 | BP2. Liên kết với các đơn vị khác có cơ sở vật chất để tổ chức các sự kiện TDTT. | 12 | 41.38 | 12 | 41.38 | 5 | 17.24 |
| 3 | BP3. Tăng cường hệ thống thiết chế về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu TDTT | 16 | 55.17 | 11 | 37.93 | 2 | 6.90 |
| 4 | BP4. Đề xuất tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện và thi đấu TDTT hàng năm. | 19 | 65.52 | 8 | 27.59 | 2 | 6.90 |
| 5 | BP5. Liên kết đầu tư với tư nhân (xã hội hóa). | 18 | 62.07 | 10 | 34.48 | 1 | 3.45 |
| 6 | BP6. Cải thiện các cơ sở vật chất hiện có để tổ chức tập luyện và thi đấu TDTT. | 12 | 41.38 | 15 | 51.72 | 2 | 6.90 |
| 7 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100.00 |
| IV Giải pháp 4: Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ TDTT | | | | | | | |
| 1 | BP1. Xác định các tiêu chuẩn cơ bản cho kinh doanh TDTT, bao gồm các tiêu chuẩn về: cơ sở vật chất, nhân lực, dịch vụ, kinh phí,... | 11 | 37.93 | 13 | 44.83 | 5 | 17.24 |
| 2 | BP2. Xây dựng tiêu chuẩn chiến lược quản lý hoạt động kinh doanh. | 12 | 41.38 | 17 | 58.62 | 0 | 0.00 |
| 3 | BP3. Cung cấp nguồn nhân lực hoạt động TDTT như: chuyên gia, HLV, HDV... | 21 | 72.41 | 5 | 17.24 | 3 | 10.34 |
| 4 | BP4. Thường xuyên đánh giá thực trạng về CSVC, các dịch vụ, đội ngũ,... | 22 | 75.86 | 3 | 10.34 | 4 | 13.79 |
| 5 | BP5. Thường xuyên đào tạo đội ngũ quản lý, nhân viên có chất lượng | 17 | 58.62 | 12 | 41.38 | 0 | 0.00 |
| 6 | BP6. Phối hợp với các tổ chức cung ứng dịch vụ khác để tổ chức các sự kiện TDTT. | 19 | 65.52 | 9 | 31.03 | 1 | 3.45 |
| 7 | BP7. Đa dạng hóa dịch vụ trong hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT. | 11 | 37.93 | 16 | 55.17 | 2 | 6.90 |
| 8 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100.00 |
| V Giải pháp 5: Hoàn thiện chính sách giá hợp lý | | | | | | | |
| 1 | BP1. nắm bắt và dự báo chính xác mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến giá... | 15 | 51.72 | 9 | 31.03 | 5 | 17.24 |
| 2 | BP2. Xác định được phạm vi, mức độ, tính chất về giá của đối thủ cạnh tranh | 12 | 41.38 | 16 | 55.17 | 1 | 3.45 |

| | | | | | | | |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|----|-------|----|--------|
| 3 | BP3. Ra quyết định về điều chỉnh và thay đổi giá theo tình hình thực tế hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT. | 21 | 72.41 | 6 | 20.69 | 2 | 6.90 |
| 4 | BP4. Xây dựng phương thức giá dịch vụ (trộn gói) theo nhu cầu tại các thời điểm khác nhau. | 21 | 72.41 | 4 | 13.79 | 4 | 13.79 |
| 5 | BP5. Xác định được chu kỳ sống của sản phẩm dịch vụ TDTT. | 12 | 41.38 | 14 | 48.28 | 3 | 10.34 |
| 6 | BP6. Áp dụng các chương trình khuyến mãi phù hợp với đối tượng, thời điểm. | 17 | 58.62 | 12 | 41.38 | 0 | 0.00 |
| 7 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100.00 |
| VI Giải pháp 6: Truyền thông marketing | | | | | | | |
| 1 | BP1. Xây dựng bộ phận chuyên trách điều hành hệ thống xúc tiến kinh doanh dịch vụ TDTT. | 12 | 41.38 | 7 | 24.14 | 10 | 34.48 |
| 2 | BP2. Nâng cao công tác nghiên cứu, khảo sát thị trường. | 12 | 41.38 | 17 | 58.62 | 0 | 0.00 |
| 3 | BP3. Hoạch định chiến lược marketing các dịch vụ TDTT. | 17 | 58.62 | 8 | 27.59 | 4 | 13.79 |
| 4 | BP4. Đẩy mạnh hoạt động quảng cáo qua mạng xã hội, truyền thông internet. | 21 | 72.41 | 5 | 17.24 | 3 | 10.34 |
| 5 | BP5. Đẩy mạnh hoạt động giao lưu, khuyến mãi sản phẩm kinh doanh. | 20 | 68.97 | 8 | 27.59 | 1 | 3.45 |
| 6 | BP6. Tổ chức các sự kiện TDTT cho nhiều đối tượng khác nhau. | 12 | 41.38 | 12 | 41.38 | 5 | 17.24 |
| 7 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100.00 |
| VII Giải pháp 7: Nâng cao các hoạt động tài trợ thể thao | | | | | | | |
| 1 | BP1. Xây dựng bộ phận chuyên trách điều hành hoạt động tài trợ | 11 | 37.93 | 14 | 48.28 | 4 | 13.79 |
| 2 | BP2. Tìm kiếm, liên kết các hoạt động tài trợ thể thao. | 13 | 44.83 | 14 | 48.28 | 2 | 6.90 |
| 3 | BP3. Tổ chức các hoạt động TDTT từ thiện để nâng cao thương hiệu và hình ảnh. | 21 | 72.41 | 4 | 13.79 | 4 | 13.79 |
| 4 | BP4. Chủ động tìm kiếm tài trợ cho các giải đấu của các đơn vị, tổ chức,... | 16 | 55.17 | 12 | 41.38 | 1 | 3.45 |
| 5 | Khác: | 0 | 0.00 | 0 | 0.00 | 29 | 100.00 |

Theo kết quả tại bảng 3 cho thấy có 40 biện pháp nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ TDTT tại Đại học Huế được trên 80% ý kiến của các giảng viên, chuyên gia và các nhà quản lý cho rằng rất khả thi và khả thi. Bao gồm:

Giải pháp 1: Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trong kinh doanh dịch vụ TDTT tại Đại học Huế

BP1. Xây dựng đội ngũ chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực kinh doanh TDTT.



BP2. Xây dựng đội ngũ chuyên viên Marketing trong lĩnh vực kinh doanh TDDT.

BP3. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên trong lĩnh vực kinh doanh TDDT.

BP4. Liên kết với các tổ chức hoạt động kinh doanh TDDT ở trong và ngoài nước để bồi dưỡng nguồn nhân lực.

BP7. Xây dựng chương trình đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạt động kinh doanh TDDT

BP8. Phối hợp với các đơn vị đào tạo cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh TDDT

BP9. Đào tạo đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ các hoạt động TDDT.

Giải pháp 2: Đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người tham gia hoạt động TDDT

BP1. Phân nhóm khách hàng tiềm năng

BP2. Phân nhóm khách hàng thân thiết

BP3. Phân nhóm khách hàng có nhu cầu tập luyện TDDT cao nhưng điều kiện kinh tế hạn chế.

BP4. Phân nhóm khách hàng có nhu cầu tập luyện thấp nhưng tiềm năng tài chính cao.

BP5. Phân nhóm khách hàng có nhu cầu, có thu nhập cao nhưng thời gian tham gia hoạt động TDDT lại không có.

Giải pháp 3: Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu TDDT

BP1. Xây dựng đề án khai thác cơ sở vật chất hiện có để tránh lãng phí.

BP2. Liên kết với các đơn vị khác có cơ sở vật chất để tổ chức các sự kiện TDDT.

BP3. Tăng cường hệ thống thiết chế về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu TDDT

BP4. Đề xuất tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện và thi đấu TDDT hàng năm.

BP5. Liên kết đầu tư với tư nhân (xã hội hóa).

BP6. Cải thiện các cơ sở vật chất hiện có để tổ chức tập luyện và thi đấu TDDT.

Giải pháp 4: Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ TDDT

BP1. Xác định các tiêu chuẩn cơ bản cho kinh doanh TDDT, bao gồm các tiêu chuẩn về: cơ sở vật chất, nhân lực, dịch vụ, kinh phí,...

BP2. Xây dựng tiêu chuẩn chiến lược quản lý hoạt động kinh doanh.

BP3. Cung cấp nguồn nhân lực hoạt động TĐTT như: chuyên gia, HLV, HDV...

BP4. Thường xuyên đánh giá thực trạng về CSVC, các dịch vụ, đội ngũ,...

BP5. Thường xuyên đào tạo đội ngũ quản lý, nhân viên có chất lượng

BP6. Phối hợp với các tổ chức cung ứng dịch vụ khác để tổ chức các sự kiện TĐTT.

BP7. Đa dạng hóa dịch vụ trong hoạt động tập luyện và thi đấu TĐTT.

Giải pháp 5: Hoàn thiện chính sách giá hợp lý

BP1. Nắm bắt và dự báo chính xác mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến giá...

BP2. Xác định được phạm vi, mức độ, tính chất về giá của đối thủ cạnh tranh.

BP3. Ra quyết định về điều chỉnh và thay đổi giá theo tình hình thực tế hoạt động tập luyện và thi đấu TĐTT.

BP4. Xây dựng phương thức giá dịch vụ (trọn gói) theo nhu cầu tại các thời điểm khác nhau.

BP5. Xác định được chu kỳ sống của sản phẩm dịch vụ TĐTT.

BP6. Áp dụng các chương trình khuyến mãi phù hợp với đối tượng, thời điểm.

Giải pháp 6: Truyền thông marketing

BP2. Nâng cao công tác nghiên cứu, khảo sát thị trường.

BP3. Hoạch định chiến lược marketing các dịch vụ TĐTT.

BP4. Đẩy mạnh hoạt động quảng cáo qua mạng xã hội, truyền thông internet.

BP5. Đẩy mạnh hoạt động giao lưu, khuyến mãi sản phẩm kinh doanh.

BP6. Tổ chức các sự kiện TĐTT cho nhiều đối tượng khác nhau.

Giải pháp 7: Nâng cao các hoạt động tài trợ thể thao

BP1. Xây dựng bộ phận chuyên trách điều hành hoạt động tài trợ

BP2. Tìm kiếm, liên kết các hoạt động tài trợ thể thao.

BP3. Tổ chức các hoạt động TĐTT từ thiện để nâng cao thương hiệu và hình ảnh.

BP4. Chủ động tìm kiếm tài trợ cho các giải đấu của các đơn vị, tổ chức,...

3. KẾT LUẬN

Thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 29 giảng viên, các chuyên gia, nhà quản lý tại các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế và các trường Đại học TDTT, Khoa GDTC trên toàn quốc đề tài đã lựa chọn được 07 giải pháp nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế, gồm:

- Có chính sách phát triển nguồn nhân lực trong kinh doanh dịch vụ Thể dục thể thao tại Đại học Huế;
- Đẩy mạnh nghiên cứu nhu cầu của người tham gia hoạt động Thể dục thể thao;
- Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu Thể dục thể thao;
- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ Thể dục thể thao;
- Các chính sách giá dịch vụ hợp lý, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn;
- Tăng cường công tác truyền thông, quảng cáo các dịch vụ Thể dục thể thao;
- Nâng cao các hoạt động tài trợ, xã hội hóa các hoạt động Thể dục thể thao.

Thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 29 giảng viên, các chuyên gia, nhà quản lý tại các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế và các trường Đại học TDTT, Khoa GDTC trên toàn quốc đề tài đã lựa chọn được 40 biện pháp cụ thể thuộc 07 giải pháp nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ thể dục thể thao tại Đại học Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Quốc Chiến. (2013). *“Nghiên cứu lựa chọn một số giải pháp nâng cao chất lượng tiêu dùng tập luyện TDTT đối với cán bộ công chức trên địa bàn Thành phố Hà Nội”*. Luận án Tiến sĩ chuyên ngành GDTC, Viện Thể dục thể thao Việt Nam.
2. Nguyễn Thị Hiền Thanh. (2011). *“Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tài sản TDTT tại Cung Văn Hoá Lao Động Thành phố Hồ Chí Minh”*. Luận văn thạc sĩ, trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
3. Lê Anh Thơ, Đồng Văn Triệu. (2000). *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học*. Hà Nội: NXB Thể dục thể thao.
4. Ngô Trang Hưng. (2013). *“Xác định tài sản TDTT ở một số tỉnh, thành phía Bắc để phục vụ quản lý TDTT ở nước ta”*. Luận án tiến sĩ, trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
5. Nguyễn Đức Văn. (2001). *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*. Hà Nội: Nxb thể dục thể thao.

6. Phạm Viết Vượng. (2000). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Hà Nội: Nxb Đại học quốc gia.
7. Nguyễn Thị Thảo Vy. (2010). “*Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thể thao giải trí ở Thành phố Hồ Chí Minh*”. Luận văn Thạc sĩ GDTC, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG HỌC
TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TS. LÊ TRUNG ĐẠO (Chủ biên)

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT XUẤT BẢN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc TRẦN THANH ĐIỆN

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Biên tập TRẦN LÊ HẠNH NGUYỄN
Trình bày bìa ĐỖ VĂN THỌ
Biên tập kỹ thuật ĐẶNG THANH LIÊM
Đọc và sửa bản in PHAN THANH MỸ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

In ___ bản, khổ 17 x 25,5 cm, tại Xưởng in - Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
Địa chỉ: Khu II, Đại học Cần Thơ, Đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2866-2020/CXBIPH/3-98/ĐHCT.
ISBN: 978-604-965-386-5.
Quyết định xuất bản số: ___/QĐ-NXB ĐHCT, cấp ngày __.11.2020.
In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2020.